



CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỢI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

- Thời gian: 07 giờ 30 phút, ngày 25 tháng 04 năm 2022
- Địa điểm: Hội trường trụ sở chính Văn phòng Công ty Cổ phần cà phê Thăng Lợi
- Địa chỉ: Km 17, Quốc lộ 26, xã Hòa Đông, huyện K'Rông Păk, tỉnh Đak Lak

STT	THỜI GIAN	NỘI DUNG	CHỦ TRÌ
1.	07h30 – 08h20	- Đón khách; - Thực hiện thủ tục đăng ký, kiểm tra tư cách cổ đông/người dự họp; - Phát tài liệu họp.	Ban kiểm tra tư cách cổ đông
2.	07h30 – 08h20	- Khai mạc Đại hội; - Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông/người dự họp;	Ban kiểm tra tư cách cổ đông
3.	07h30 – 08h20	- Giới thiệu Đoàn Chủ tịch, chỉ định Thư ký/Ban Thư ký & thông qua thành phần Ban kiểm phiếu; - Thông qua Chương trình Đại hội; - Thông qua Quy chế Tổ chức và Biểu quyết tại Đại hội.	Chủ tọa
4.	08h20 – 09h00	Báo cáo Ban Tổng Giám Đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch năm 2022	Tổng Giám đốc
5.	08h20 – 09h00	Báo cáo HĐQT về hoạt động trong năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022	Chủ tịch HĐQT
6.	08h20 – 09h00	Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022	Trưởng BKS
7.	08h20 – 09h00	Các Tờ trình với nội dung sau: - Tờ trình thông qua Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2021. - Tờ trình thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận, việc chi trả thù lao HĐQT & BKS năm 2021 và kế hoạch năm 2022. - Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2022. - Các nội dung khác (nếu có)	Thành viên Đoàn Chủ tịch
8.	09h00-09h20	Đại hội thảo luận về nội dung của các Báo cáo và Tờ trình Đại hội	Đoàn Chủ tịch
9.	09h20 – 09h40	Biểu quyết thông qua các nội dung trong Đại hội	Đoàn Chủ tịch
10.	09h40 – 10h00	- Kiểm phiếu - Nghi giải lao	Ban kiểm phiếu
11.	10h00 – 10h30	Công bố kết quả kiểm phiếu	Ban Kiểm phiếu
12.	10h40 – 10h45	Thông qua biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2022	Ban Thư ký
13.	10h50	Bế mạc đại hội	Đoàn Chủ tịch

Số: 04b/2022/BC – BTGD

Hòa Đông, ngày 30 tháng 03 năm 2022

**BÁO CÁO TỔNG KẾT
THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2022**



Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần cà phê Thăng Lợi

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị về sản xuất kinh doanh năm 2021.

Trong năm 2021, Công ty đã tập trung mọi nguồn lực, thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp để hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ mà Nghị quyết đã đề ra.

Hôm nay, Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 để tổng kết công tác sản xuất kinh doanh năm 2021 & triển khai phương hướng nhiệm vụ SXKD năm 2022.

Thay mặt Ban Tổng giám đốc, Tôi xin trình bày Báo cáo như sau:

**PHẦN THỨ NHẤT
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021**

I. Những thuận lợi và khó khăn

1) Thuận lợi

- Công ty tiếp tục nhận được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các Sở ban ngành của tỉnh, Huyện ủy Krông Pắc và sự ủng hộ của chính quyền địa phương các cấp đã tạo nhiều điều kiện cho Công ty thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2021.

- Sau khi chuyển sang Công ty cổ phần đã có những đổi mới về tư duy, về quản trị doanh nghiệp và mở rộng ngành nghề kinh doanh, lực lượng sản xuất của công ty đã có bước phát triển mới. Khi triển khai nhiệm vụ theo Nghị quyết đề ra, dưới sự giám sát chỉ đạo điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty, các phòng ban, đơn vị trong Công ty tiếp tục phát huy và từng bước có sự đổi mới nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý, công tác sản xuất, nâng cao năng suất lao động.

- Tập thể từ Ban lãnh đạo đến cán bộ nhân viên Công ty luôn có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, đoàn kết, ý thức trách nhiệm với công việc, khắc phục mọi khó khăn để cùng nhau thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

- Cơ sở vật chất của công ty đến nay cơ bản đầy đủ, đáp ứng được mọi vấn đề cho quá trình sản xuất kinh doanh và đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần cho toàn thể cán bộ công nhân viên lao động.

2) Khó khăn

Năm 2021 tình hình sản xuất, kinh doanh của Công ty tiếp tục gặp khó khăn bởi đại dịch COVID – 19, đặc biệt đa số người nhận khoán vẫn chưa hợp tác với Công ty trong thực hiện hợp đồng giao khoán, cụ thể:

- Không giao nộp sản lượng giao khoán năm 2021; không trả nợ sản lượng còn nợ của các năm từ 2018-2020, mặc dù Công ty đã có chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-CTCP ngày 28/10/2021 của Hội đồng quản trị công ty (giảm sản lượng giao khoán từ 10- 30% đối với những trường hợp giao nộp đủ sản lượng giao khoán năm 2021 và trả đầy đủ hoặc một phần các khoản nợ);

- Không ký hợp đồng giao khoán mới khi hợp đồng đã hết thời hạn; tự ý rào lấn chiếm và chắn đường lô; tiếp tục chặt hạ, chiếm đoạt cây muồng đen, tự ý thanh lý lô cà phê, ... làm thất thoát tài sản của Nhà nước, cổ đông.

- Đồng thời tình hình tại Công ty vẫn còn diễn biến phức tạp người nhận khoán vẫn tiếp tục khiếu kiện mặc dù tòa án nhân dân huyện đã xét xử trên 600 trường hợp người nhận khoán kiện công ty và đã bác các yêu cầu khởi kiện và tụ tập đông người gây rối mất an ninh trật tự làm ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh và tư tưởng cán bộ công nhân viên công ty.

II. Kết quả thực hiện SXKD năm 2021

1. Kết quả thu hồi các khoản nợ đối với người nhận khoán và liên kết

1.1. Thu nợ sản lượng giao khoán 2018; 2019; 2020 và thu sản lượng năm 2021

Năm	Đã thu		Còn nợ
	Số lượng (kg cà phê quả tươi)	Thành tiền	Số lượng (kg cà phê quả tươi)
2018	44.096	339.539.200	1.136.210
2019	138.992	972.944.000	2.483.807
2020	76.806	583.725.600	2.511.017
2021	385.129	3.401.492.000	2.650.889
Tổng	645.023	5.297.700.800	8.781.923

1.2. Thu các khoản nợ khác

DVT: Đồng

Năm	Tiền thuê đất	Vay tái canh	Phân vô cơ
-----	---------------	--------------	------------

	Đã thu	Còn nợ	Đã thu	Còn nợ	Đã thu	Còn nợ
Truy thu	314.536.555	5.232.865.975				
2018	111.001.820	1.869.808.304	0	178.700.000	30.270.000	610.404.000
2019	138.987.614	2.006.621.003				
2020	206.597.953	2.102.138.020				
2021	243.993.833	2.198.460.512				
Tổng	1.015.117.775	13.409.893.814	0	178.700.000	30.270.000	610.404.000

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu theo kế hoạch sản xuất 2021

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021 so với KH năm 2021
A	SẢN PHẨM CHỦ YẾU	Tấn nhân	8.587	8.743	98%
1	Cà phê nhân thu mua ngoài	Tấn nhân	8.446	8.500	99%
2	Cà phê tự trồng	Tấn nhân	141	243	58%
B	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH				
I	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	351.976	313.797	112%
1	Doanh thu cà phê nhân thu mua ngoài	Triệu đồng	338.894	300.000	113%
2	Doanh thu cà phê cà phê kế hoạch	Triệu đồng	4.636	6.497	71%
3	Doanh thu cho thuê nhà xưởng	Triệu đồng	8.446	7.300	116%
II	Giá vốn hàng bán (chi phí sản xuất)	Triệu đồng	325.825	291.641	112%
1	Giá vốn cà phê nhân thu mua ngoài	Triệu đồng	323.291	284.500	114%
2	Giá vốn cà phê kế hoạch	Triệu đồng	498	4.641	11%
3	Giá vốn cho thuê nhà xưởng	Triệu đồng	2.036	2.500	81%
III	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	26.151	22.156	118%

IV	Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	5.192	3.500	148%
V	Chi phí tài chính	Triệu đồng	2.997	2.200	136%
VI	Chi phí bán hàng	Triệu đồng	9.175	11.500	80%
VII	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Triệu đồng	13.100	8.300	158%
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	6.071	3.656	166%
X	Thu nhập khác	Triệu đồng	2.330	1.150	203%
XI	Chi phí khác	Triệu đồng	800	1.000	80%
XII	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	1.530	150	1020%
XIII	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Triệu đồng	7.601	3.806	200%
XIV	Thuế TNDN	Triệu đồng	1.702	761	224%
XV	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Triệu đồng	5.899	3.045	194%

III. Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2021 Lợi nhuận vượt kế hoạch và cao hơn năm 2020 tuy nhiên lợi nhuận chủ yếu tập trung vào kinh doanh thu mua cà phê và một số hoạt động kinh doanh khác, còn về sản xuất vẫn tiếp tục gặp khó khăn như thu sản lượng giao khoán hàng năm, **không nộp tiền thuê đất và các khoản nợ khác. Vì vậy**, năm 2021 phải trích lập dự phòng 3,1 tỷ đồng đối với số tiền thuê đất người nhận khoán còn nợ. Nếu không trích lập dự phòng lợi **nhuận trước thuế** năm 2021 ước đạt hơn 10 tỷ đồng.

1. Hoạt động sản xuất:

Không hoàn thành kế hoạch do:

- Năm 2021 tình hình Công ty tiếp tục diễn biến phức tạp đại đa số người nhận khoán vẫn chưa hợp tác với công ty trong việc thực hiện hợp đồng giao khoán, mặc dù công ty đã có một số chủ trương có lợi cho người nhận khoán và tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã đưa ra xét xử các vụ án người nhận khoán kiện Công ty và đã bác các yêu cầu khởi kiện vì không có cơ sở, đồng thời xét xử 02 vụ đối với 10 trường hợp công ty kiện người nhận khoán và chấp thuận các nội dung khởi kiện của công ty là chấm dứt hợp đồng, thu hồi vườn cây và trả các khoản nợ.

- Nhóm đối tượng cầm đầu, lôi kéo người nhận khoán trong Công ty kiến nghị đòi hỏi chế độ, quyền lợi chỉ là cái cớ, mục đích chính là phá hoại cổ phần hóa doanh nghiệp, làm

cho doanh nghiệp phá sản, giải thể, chuyển đất về địa phương và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giao cho cá nhân quản lý. Và gần đây nhất vào các ngày từ 21 đến 23/3/2020 mục đích đòi đất của họ thực sự lộ rõ.

2. Hoạt động kinh doanh thu mua ngoài

Năm 2021 đại dịch CoVid-19 lần thứ tư bùng phát mạnh tại Việt Nam do vậy việc lưu thông, tiêu thụ hàng hóa gặp rất nhiều khó khăn dẫn đến hoạt động kinh doanh cũng bị ảnh hưởng tương đối nhiều. Song với sự chỉ đạo sát sao của chủ tịch HĐQT, sự cố gắng nỗ lực của Ban điều hành, cán bộ nhân viên các phòng ban liên quan, cùng với sự thuận lợi về giá cả phê kỳ hạn sản phẩm tăng cao, hoạt động kinh doanh đã đạt được kết quả cao trong năm 2021.

3. Kết quả kinh doanh một số lĩnh vực khác:

Ngoài ngành nghề sản xuất kinh doanh cà phê Công ty còn kinh doanh các ngành nghề, lĩnh vực khác, như kinh doanh cho thuê nhà kho nhà xưởng, hoạt động tài chính... cũng mang lại hiệu quả.

IV. Công tác tổ chức bộ máy, lao động

1. Công tác tổ chức và nhân sự:

Tổng số lao động đến 31/12/2021 là 117 người, trong đó: có 49 lao động nữ; lao động có trình độ đại học và trên đại học là 22 người chiếm 18,8%; trình độ cao đẳng là 5 người chiếm 4,27%, trình độ trung cấp là 5 người chiếm 4,27%; trình độ sơ cấp là 85 người, chiếm 72,65%.

2. Về tình hình đời sống, việc làm & an toàn sản xuất cho người lao động

Công ty vẫn duy trì công việc ổn định cho người lao động với mức thu nhập bình quân: **7.804.688 đồng/người/tháng (Đối với cán bộ nhân viên gián tiếp phục vụ)** và **7.033.401 đồng/người/ tháng (đối với công nhân chế biến cà phê)**.

Công tác an toàn vệ sinh lao động, trang bị bảo hộ lao động và phòng chống cháy nổ luôn được Công ty quan tâm thực hiện, phổ biến, tuyên truyền, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho người lao động nhằm nâng cao nhận thức về an toàn lao động, an toàn phòng chống cháy nổ.

Công tác trang bị đồng phục, bảo hộ lao động cho người lao động được Công ty thực hiện hàng năm theo quy định.

3. Thực hiện chế độ Bảo hiểm đối với người lao động:

Trong năm 2021, Công ty đã thực hiện nộp đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách BHXH, Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động. Cụ thể như sau:

- Bảo hiểm xã hội: 3.087.741.000 đồng; đạt 99,87%
- Bảo hiểm thất nghiệp: 241.882.000 đồng; đạt 99,87 %
- Bảo hiểm y tế: 548.618.000 đồng; đạt 99,87%

PHẦN THỨ HAI
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

Năm 2022 dự báo tình hình sản xuất, kinh doanh của công ty và công tác an ninh trật tự tiếp tục gặp những khó khăn cơ bản. Trong đó về sản xuất người nhận khoán vườn cà phê vẫn chưa hợp tác với công ty để bàn bạc, giải quyết, tháo gỡ những tồn tại, vướng mắc nhằm tạo ra sự đồng thuận và hài hòa lợi ích hợp pháp giữa các bên liên quan, do vậy ảnh hưởng đến công tác quản lý, đầu tư, chăm sóc vườn cà phê, công tác thu nộp sản lượng giao khoán, các khoản nghĩa vụ đối với Nhà nước và các khoản nợ phải thu. Về kinh doanh sẽ gặp khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch CoVid- 19, chiến tranh...

Trên cơ sở đó Ban Tổng giám đốc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 như sau:

II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Kế hoạch 2022/Thực hiện 2021
A	SẢN PHẨM CHỦ YẾU	Tấn nhân	8.587	8.854	103%
1	Cà phê nhân thu mua ngoài	Tấn nhân	8.446	8.700	103%
2	Cà phê tự trồng	Tấn nhân	141	154	109%
B	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH				
I	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	351.976	398.596	113%
1	Doanh thu cà phê nhân thu mua ngoài	Triệu đồng	338.894	383.581	113%
2	Doanh thu cà phê cà phê kế hoạch	Triệu đồng	4.636	5.515	119%
3	Doanh thu cho thuê nhà xưởng	Triệu đồng	8.446	9.500	112%

II	Giá vốn hàng bán (chi phí sản xuất)	Triệu đồng	325.825	370.009	114%
1	Giá vốn cà phê nhân thu mua ngoài	Triệu đồng	323.291	365.301	113%
2	Giá vốn cà phê kế hoạch	Triệu đồng	498	2.108	423%
3	Giá vốn cho thuê nhà xưởng	Triệu đồng	2.036	2.600	128%
III	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	26.151	28.587	109%
IV	Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	5.192	3.600	69%
V	Chi phí tài chính	Triệu đồng	2.997	3.100	103%
VI	Chi phí bán hàng	Triệu đồng	9.175	13.000	142%
VII	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Triệu đồng	13.100	12.500	95%
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	6.071	3.587	59%
X	Thu nhập khác	Triệu đồng	2.330	2.300	99%
XI	Chi phí khác	Triệu đồng	800	800	100%
XII	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	1.530	1.500	98%
XIII	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Triệu đồng	7.601	5.087	67%
XIV	Thuế TNDN	Triệu đồng	1.702	1.017	60%
XV	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Triệu đồng	5.899	4.070	69%

Nguyên nhân lập kế hoạch sản lượng tăng nhưng lợi nhuận giảm:

- Đối với hoạt động sản xuất: các vụ việc với ng nhận khoán vẫn chưa được xử lý dứt điểm, người nhận khoán vẫn chưa hợp tác với Công ty.

- Đối với hoạt động xuất khẩu: Năm 2022 gặp nhiều khó khăn và thách thức do bị ảnh hưởng bởi chiến tranh, biến động giá cả đột biến, thị trường cạnh tranh trong và ngoài nước gay gắt về giá.

III. Những nhiệm vụ, giải pháp cụ thể:

1. Đối với hoạt động sản xuất vườn cây cà phê

- Thường xuyên tuần tra, kiểm tra lô đồng để phát hiện xử lý kịp thời người nhận khoán vi phạm nội quy, quy chế của Công ty về tự ý chặt hạ, chiếm đoạt cây muồng đen, lấn chiếm bờ lô, rào chắn đường lô. Cùng phối hợp với chính quyền địa phương, cơ quan chức năng xử lý các vụ việc vi phạm như: làm nhà trái phép, tự ý rào chắn đường lô...

- Tiếp tục tăng cường công tác vận động, tuyên truyền người nhận khoán ký kết hợp đồng giao khoán mới và trả các khoản nợ cho công ty. Trường hợp nào không ký kết hợp đồng giao khoán mới, không thanh toán các khoản nợ với công ty thì lập hồ sơ khởi kiện ra tòa chấm dứt hợp đồng giao khoán, thu hồi vườn cây.

- Rà soát, lập đoàn đi kiểm tra thực tế đánh giá và xin ý kiến HĐQT cho thanh lý một số vườn cây phát triển kém, năng suất thấp theo đề nghị của người nhận khoán. Đồng thời, Công ty sẽ cùng đầu tư vốn ngay từ năm đầu thực hiện trồng mới tái canh vườn cà phê.

- Tổ chức triển khai công tác tưới nước năm 2022 đạt kết quả tốt (triển khai đăng ký tưới, thu tiền tưới và điều tiết nước hợp lý đúng tiến độ).

2. Đối với hoạt động kinh doanh cà phê thu mua ngoài

- Căn cứ vào tình hình thị trường để điều chỉnh sản lượng mua bán hợp lý; ưu tiên ký các hợp đồng giao gần, chốt giá nhanh để tránh việc giá giảm gây thiệt hại cho công ty.

- Đẩy mạnh chào bán cho các đối tác truyền thống. Đồng thời tăng cường kết nối, thiết lập mối quan hệ với khách hàng mới để chào bán. Đối với các khách hàng mới cân đối mức lợi nhuận thấp hơn để khớp hợp đồng, tạo điều kiện mở rộng khối lượng mua bán.

- Tiếp tục liên kết, mở rộng vùng canh tác cà phê bền vững tại Cư Mgar để chào bán hàng có chứng nhận.

- Thiết lập, duy trì các mối quan hệ với các bên dịch vụ giám định, các cấp thẩm quyền liên quan để hoàn thành các thủ tục xuất khẩu đạt tiến độ.

- Kiểm soát chặt chẽ chất lượng hàng hóa đầu vào và đầu ra đạt chất lượng tốt nhất, đáp ứng được nhu cầu hàng hóa của khách hàng.

3. Các lĩnh vực kinh doanh khác

- Linh hoạt trong hoạt động tài chính để tăng thu, giảm chi phí lãi vay.

- Nâng cao hiệu quả việc sử dụng, cho thuê nhà kho nhà xưởng.

4. Một số nhiệm vụ khác

- Tiếp tục phối hợp với Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk tiến tổ chức rà soát, lập phương án đền bù

giá trị tài sản cây trên đất thuộc diện tích đất công ty cổ phần cà phê Thăng lợi quản lý có đường Hồ Chí Minh đoạn tránh đống Buôn Mê Thuật đi qua theo Thông báo thu hồi đất số 345/TB-UBND ngày 13/8/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Krông Pắc theo đúng quy định của pháp luật, trên cơ sở Công ty là chủ thể sử dụng đất.

- Tập trung giải quyết và đẩy nhanh tiến độ đối với các vụ án quan trọng mà công ty khởi kiện như xăng dầu Vương Thương và những hồ sơ công ty đã gửi tòa án nhân dân huyện.

- Thi hành án: Phối hợp với Cơ quan Thi hành án xử lý, giải quyết triệt để đối với các bản án phúc thẩm đã có hiệu lực thực hiện.

Trên đây là một số đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2022 kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn Quý vị đại biểu./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Các phòng ban, đơn vị trong Công ty;
- Lưu: VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Xuân Lưu

Số: 04a/2022/BC – HĐQT

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 03 năm 2022

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần cà phê Thăng Lợi

Thay mặt Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần cà phê Thăng Lợi, tôi xin gửi đến tất cả Quý vị cổ đông lời chào trân trọng cùng lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Tháng 04 năm 2021, Công ty cổ phần cà phê Thăng Lợi đã tổ chức thành công đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, Hội đồng Quản trị ghi nhận công tác chỉ đạo điều hành của Ban Tổng Giám đốc, cùng với sự đoàn kết, quyết tâm và tính năng động, sáng tạo của tất cả Cán bộ, công nhân viên, người lao động, đặc biệt là sự ủng hộ của UBND tỉnh, huyện và các cơ quan chính quyền địa phương. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần cà phê Thăng Lợi đã cơ bản hoàn thành tốt các mục tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đề ra.

I. Các hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2021.

1. Tổng kết các cuộc họp và các quyết định của Hội đồng quản trị.

- Hội đồng quản trị công ty hoạt động theo nguyên tắc tập thể, tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ tổ chức hoạt động công ty.

- Trong năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần cà phê Thăng Lợi đã tiến hành 04 phiên họp, ban hành 13 Nghị quyết, cụ thể như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2021/NQ - CTCP	15/01/2021	V/v thông qua trích thưởng cho CBCNV Công ty năm 2021	100%
2	02/2021/NQ – HĐQT	02/2021/NQ – HĐQT	V/v thông qua các nội dung về kết quả hoạt động SXKD, BCTC quý IV/2020 và cả năm 2020; kế hoạch SXKD cả năm 2021 và kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	100%

3	02A/2021/NQ – HĐQT	08/03/2021	V/v thông qua các nội dung tài liệu tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	100%
4	04/2021/NQ – HĐQT	26/05/2021	V/v thông qua các nội dung về kết quả hoạt động SXKD, BCTC quý I/2021; kế hoạch SXKD quý II/2021; Xây dựng phương án sử dụng đất liên kết; Công tác tổ chức nhân sự tại Công ty	100%
5	06/2021/NQ – HĐQT	26/05/2021	Thông qua việc miễn nhiệm, bổ nhiệm mới Thành viên HĐQT để trình xin ý kiến ĐHĐCĐ	100%
6	07/2021/NQ - HĐQT	30/06/2021	V/v thông qua Quy chế lương kinh doanh của CTCP cà phê Thăng Lợi áp dụng từ Đầu Quý III/2021	100%
7	09/2021/NQ - CTCP	17/07/2021	V/v thông qua việc đầu tư nâng cấp hệ thống sàng tại Xưởng chế biến công ty	100%
8	10/2021/NQ - CTCP	22/07/2021	V/v thông qua đề xuất nghiên cứu chuyển đổi mục đích sử dụng đất	60%
9	11/2021/NQ - CTCP	03/08/2021	V/v thu hồi Tờ trình số 22/TTr-CTTNHH ngày 12/2/2019; Thông báo số 72/TB-Cty ngày 24/4/2019; Thông báo số 714/TB-CTCP ngày 7/11/2020	60%
10	12/2021/NQ – HĐQT	24/08/2021	V/v thông qua các nội dung về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, BCTC quý II/2021; kế hoạch Sản xuất kinh doanh 06 tháng cuối năm 2021 và thông qua đề xuất bàn giao công trình hồ Ea Nhái về UBND tỉnh quản lý	100%
11	13/2021/NQ - CTCP	28/10/2021	V/v thông qua chính sách giảm sản lượng nộp giao khoán mùa vụ năm 2021-2022	100%

12	14/2021/NQ - CTCP	06/11/2021	V/v thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý III/2021 và triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý IV/2021	100%
13	15/2021/NQ - CTCP	15/12/2021	V/v thông qua nội dung liên quan đến hợp đồng giao khoán	80%

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị thực hiện nghiêm túc các công tác quản trị doanh nghiệp, chiến lược về nhân sự ... theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cà phê Thăng Lợi.

Hội đồng quản trị duy trì họp theo quy định mỗi quý ít nhất họp một lần để xem xét quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị với sự tham gia của Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám Đốc Công ty.

Hội đồng quản trị đã phân công nhiệm vụ cụ thể đến các thành viên, tăng cường vai trò tham mưu của các Cán bộ quản lý. Các Thành viên Hội đồng quản trị cũng đã có nhiều cố gắng hoàn thành chức trách của mình, hành động vì lợi ích của cổ đông trong mối quan hệ hài hòa với lợi ích của Công ty và Người lao động.

2. Tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021

Năm 2021 là một năm khó khăn vì công ty mới trong giai đoạn chuyển sang mô hình Công ty cổ phần, phải xây dựng lại công tác quản trị và hệ thống vận hành theo đúng quy định pháp luật đối với mô hình này. Bên cạnh đó, công ty phải đối mặt với tình hình thời tiết khắc nghiệt khô hạn kéo dài vườn cà phê ngày càng già cỗi cho năng suất thấp, về thị trường xuất khẩu cà phê gặp nhiều khó khăn, cạnh tranh gay gắt. Tình hình Công ty sau khi chuyển sang Công ty cổ phần và hiện tại rất phức tạp, người nhận khoán nhiều năm liền 2018, 2019, 2020 và 2021 không nộp hoặc nộp không đủ sản lượng giao khoán, người nhận khoán, hộ liên kết không nộp tiền thuê đất năm 2018, 2019, 2020 và 2021 theo quy định, vi phạm nội quy quy chế của Công ty, cụ thể:

- Thu nợ sản lượng giao khoán 2018; 2019; 2020 và thu sản lượng năm 2021

Năm	Đã thu		Còn nợ
	Số lượng (kg cà phê quả tươi)	Thành tiền	Số lượng (kg cà phê quả tươi)
2018	44.096	339.539.200	1.136.210
2019	138.992	972.944.000	2.483.807
2020	76.806	583.725.600	2.511.017
2021	385.129	3.401.492.000	2.650.889

Tổng	645.023	5.297.700.800	8.781.923
-------------	----------------	----------------------	------------------

- Thu các khoản nợ khác

ĐVT: Đồng

Năm	Tiền thuê đất		Vay tái canh		Phân vô cơ	
	Đã thu	Còn nợ	Đã thu	Còn nợ	Đã thu	Còn nợ
Truy thu	314.536.555	5.232.865.975				
2018	111.001.820	1.869.808.304	0	178.700.000	30.270.000	610.404.000
2019	138.987.614	2.006.621.003				
2020	206.597.953	2.102.138.020				
2021	243.993.833	2.198.460.512				
Tổng	1.015.117.775	13.409.893.814	0	178.700.000	30.270.000	610.404.000

Trước bối cảnh đó, HĐQT đã bám sát tình hình, phân tích các yếu tố tác động, dự báo các ảnh hưởng, từ đó xây dựng định hướng chiến lược phát triển và triển khai kế hoạch hành động cụ thể.

- Đối với hoạt động sản xuất, HĐQT đưa ra các phương án chỉ đạo xử lý nghiêm việc các chủ hộ vi phạm nghĩa vụ đối với công ty bằng việc khởi kiện ra tòa yêu cầu chấm dứt hợp đồng và thu hồi lô đất giao khoán đồng thời yêu cầu thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với công ty.

- Đối với hoạt động kinh doanh xuất khẩu, HĐQT đã sắp xếp và tổ chức lại nhân sự và phương thức hoạt động của Phòng kinh doanh, xưởng chế biến. Đồng thời chỉ đạo phòng nghiệp vụ chuyên môn đưa ra các kế hoạch kinh doanh phát triển thị trường đầu vào và đầu ra, xây dựng quy trình sản xuất kinh doanh đảm bảo an toàn hiệu quả.

Các chỉ tiêu cơ bản năm 2021

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021 so với KH năm 2021
A	SẢN PHẨM CHỦ YẾU	Tấn nhân	8.587	8.743	98%
1	Cà phê nhân thu mua ngoài	Tấn nhân	8.446	8.500	99%
2	Cà phê tự trồng	Tấn nhân	141	243	58%
B	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH				
I	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	351.976	313.797	112%
1	Doanh thu cà phê nhân thu mua ngoài	Triệu đồng	338.894	300.000	113%
2	Doanh thu cà phê cà phê kế hoạch	Triệu đồng	4.636	6.497	71%
3	Doanh thu cho thuê nhà xưởng	Triệu đồng	8.446	7.300	116%
II	Giá vốn hàng bán (chi phí sản xuất)	Triệu đồng	325.825	291.641	112%
1	Giá vốn cà phê nhân thu mua ngoài	Triệu đồng	323.291	284.500	114%
2	Giá vốn cà phê kế hoạch	Triệu đồng	498	4.641	11%
3	Giá vốn cho thuê nhà xưởng	Triệu đồng	2.036	2.500	81%
III	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	26.151	22.156	118%
IV	Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	5.192	3.500	148%
V	Chi phí tài chính	Triệu đồng	2.997	2.200	136%
VI	Chi phí bán hàng	Triệu đồng	9.175	11.500	80%
VII	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Triệu đồng	13.100	8.300	158%
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	6.071	3.656	166%

X	Thu nhập khác	Triệu đồng	2.330	1.150	203%
XI	Chi phí khác	Triệu đồng	800	1.000	80%
XII	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	1.530	150	1020%
XIII	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Triệu đồng	7.601	3.806	200%
XIV	Thuế TNDN	Triệu đồng	1.702	761	224%
XV	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Triệu đồng	5.899	3.045	194%

Trên đây là báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 so với kế hoạch năm 2021 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.

Năm 2021 Lợi nhuận vượt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội cổ đông đề ra đạt cao hơn năm 2020 tuy nhiên lợi nhuận chủ yếu tập trung vào kinh doanh thu mua cà phê và một số hoạt động kinh doanh khác, còn về sản xuất vẫn tiếp tục gặp khó khăn như thu sản lượng giao khoán hàng năm, thu các khoản nợ, trong đó có tiền thuê đất, do vậy năm 2021 phải trích lập dự phòng 3,1 tỷ đồng đối với số tiền thuê đất người nhận khoán còn nợ. Nếu không trích lập dự phòng lợi nhuận trước thuế năm 2021 ước đạt hơn 10 tỷ đồng.

Chi trả thù lao, tiền thưởng cho thành viên HĐQT, BKS

- Thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2021 về việc thông qua kế hoạch chi thù lao đối với HĐQT và BKS. Trong năm 2021 thực hiện chi trả tổng thù lao và thưởng của HĐQT và BKS cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Đồng/năm

STT	Đối tượng	Kế hoạch năm 2021	Thực chi năm 2021
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	350.000.000	344.896.250
2	Thành viên HĐQT không chuyên trách	144.000.000	50.000.000
3	Ban kiểm soát không chuyên trách	84.000.000	24.000.000
	Tổng cộng	578.000.000	418.896.250

3. Kết quả giám sát đối với Ban Tổng giám đốc

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động công ty và những quy chế, quy định đã ban hành, HĐQT thực hiện chức năng giám sát bộ máy quản lý và điều hành Công ty một cách thường xuyên, liên tục thông qua những công cụ giám sát, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ SXKD, các mẫu biểu, văn bản báo cáo của Ban tổng giám đốc và cán bộ quản lý các phòng nghiệp vụ chuyên môn như sau:

+ Trong năm 2021 Ban điều hành đã đạt thực hiện triển khai đúng và đầy đủ các Nghị quyết của HĐQT và đạt được những kết quả nhất định.

+ Ban điều hành đã có nhiều cố gắng, đoàn kết và hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

- Hội đồng quản trị tin tưởng với các giải pháp trong công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc, sự đồng lòng của cán bộ, công nhân viên, người lao động, Công ty sẽ vượt qua các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông tin tưởng giao phó, từng bước khắc phục các trở ngại trong bối cảnh còn nhiều khó khăn phía trước.

4. Kết quả giám sát đối với Trưởng - Phó các Phòng ban, Chi nhánh, Địa điểm kinh doanh:

- Hội đồng quản trị luôn song hành cùng Ban điều hành và Trưởng – Phó các bộ phận trong từng hoạt động, đưa ra các chỉ đạo kịp thời. Chủ tịch Hội đồng quản trị thường xuyên làm việc với Ban Tổng Giám đốc và các cấp quản lý khác, định kỳ họp giao ban bình quân 01 lần/tháng. Các thành viên của Hội đồng quản trị thường xuyên hội ý, thống nhất các giải pháp về đầu tư, tài chính, kinh doanh, giảm thiểu các chi phí vận hành để đảm bảo nguồn tài chính của công ty... Vì vậy, Công ty đã hoàn thành cơ bản các nhiệm vụ đã được Đại hội cổ đông năm 2021 đề ra.

II. Kế hoạch hoạt động HĐQT năm 2022

- Năm 2022 Hội đồng quản trị sẽ từng bước hoàn thiện các quy chế, quy trình, nâng cao vai trò từng thành viên Hội đồng quản trị để kịp thời phối hợp và xử lý xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo công tác quản trị và tối đa lợi ích của cổ đông.

- Hội đồng quản trị cam kết hoạt động tích cực trên tinh thần trách nhiệm cao nhằm đạt hiệu quả cao nhất cho Công ty và gia tăng giá trị cho các cổ đông. Ngoài những nhiệm vụ được giao theo các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị xây dựng kế hoạch năm 2022 như sau.

1. Các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Kế hoạch 2022/Thực hiện 2021
A	SẢN PHẨM CHỦ YẾU	Tấn nhân	8.587	8.854	103%
1	Cà phê nhân thu mua ngoài	Tấn nhân	8.446	8.700	103%
2	Cà phê tự trồng	Tấn nhân	141	154	109%
B	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH				
I	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	351.976	398.596	113%
1	Doanh thu cà phê nhân thu mua ngoài	Triệu đồng	338.894	383.581	113%
2	Doanh thu cà phê cà phê kế hoạch	Triệu đồng	4.636	5.515	119%
3	Doanh thu cho thuê nhà xưởng	Triệu đồng	8.446	9.500	112%
II	Giá vốn hàng bán (chi phí sản xuất)	Triệu đồng	325.825	370.009	114%
1	Giá vốn cà phê nhân thu mua ngoài	Triệu đồng	323.291	365.301	113%
2	Giá vốn cà phê kế hoạch	Triệu đồng	498	2.108	423%
3	Giá vốn cho thuê nhà xưởng	Triệu đồng	2.036	2.600	128%
III	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	26.151	28.587	109%
IV	Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	5.192	3.600	69%
V	Chi phí tài chính	Triệu đồng	2.997	3.100	103%

VI	Chi phí bán hàng	Triệu đồng	9.175	13.000	142%
VII	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Triệu đồng	13.100	12.500	95%
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	6.071	3.587	59%
X	Thu nhập khác	Triệu đồng	2.330	2.300	99%
XI	Chi phí khác	Triệu đồng	800	800	100%
XII	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	1.530	1.500	98%
XIII	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Triệu đồng	7.601	5.087	67%
XIV	Thuế TNDN	Triệu đồng	1.702	1.017	60%
XV	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Triệu đồng	5.899	4.070	69%

2. Giải pháp thực hiện.

- Hội đồng quản trị tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành tập trung công tác thu sản lượng của người nhận khoán thông qua việc kết hợp với các cơ quan chính quyền địa phương, đồng thời nghiên cứu và đưa ra các chính sách hỗ trợ phù hợp, chính sách khuyến khích áp dụng cho người nhận khoán.

- Đầu tư phương tiện vận tải, nâng cấp hệ thống máy móc thiết bị tại Xưởng chế biến với công nghệ hiện đại để đáp ứng nhu cầu thị trường và nâng cao hiệu quả sản xuất mang lại lợi ích cho Công ty.

- Trong năm 2022, Hội đồng quản trị sẽ nghiên cứu và phát triển thêm về lĩnh vực sản xuất và kinh doanh mặt hàng Tiêu để mở rộng hoạt động kinh doanh và tăng nguồn thu cho Công ty

- Tiếp tục gắn kết và tạo uy tín đối với các đối tác cũ bao gồm cả đầu vào và đầu ra của Công ty, tăng sản lượng mua bán.

- Xúc tiến mở rộng thị phần trong tỉnh và các tỉnh lân cận, tìm kiếm các đối tác mới, liên kết kinh doanh với các công ty, doanh nghiệp hợp tác xã trồng, chế biến cà phê; Phát triển tìm kiếm khách hàng đầu ra trong nước và quốc tế thông qua môi giới và các công ty nước ngoài đang kinh doanh cà phê trong nước.

- Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ khối lượng, chất lượng hàng hóa nhập vào, xuất đi theo đúng hợp đồng ký kết; bố trí, sắp xếp lại tổ chức sản xuất tại xưởng Chế biến, cũng như rà soát lại định mức giao khoán cho phù hợp thị trường;

- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp và môi trường làm việc tích cực, hiện đại, quyết liệt, tăng cường đào tạo phát triển nhân sự để xây dựng nguồn nhân lực chuyên nghiệp, vững mạnh, đáp ứng nhu cầu phát triển lâu dài của Công ty.

Trên đây là Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT;
- Ban KS;
- Ban TGD;
- Website Công ty;
- Lưu: VT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HĐQT

Lỗ Hoàng Phúc



CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỢI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
Đối với hoạt động năm 2021 của Công ty
(Số: 04c/2022/BC – BKS)

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi;
Căn cứ chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát đã được quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi;

Căn cứ vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021 bởi Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc;

Theo chương trình kiểm soát 2021 chúng tôi Ban kiểm soát Công ty xin báo cáo trình Đại hội cổ đông về kết quả kiểm soát như sau:

1. Hoạt động của Ban kiểm soát 2021:

Trong năm 2021, Ban kiểm soát đã tổ chức họp định kỳ là 02 lần/năm và kiểm tra giám sát tuân thủ việc triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ, các quyết định của Hội đồng quản trị và Ban điều hành theo các quy định quản trị doanh nghiệp và điều lệ công ty. Cụ thể như sau:

- Ban kiểm soát luôn bám sát kế hoạch năm 2021, trong đó tập trung vào việc giám sát HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong việc điều hành quản lý công ty. Qua giám sát cho thấy việc hoạt động của HĐQT đã tuân thủ theo đúng điều lệ của Công ty ban hành. Tuy nhiên ban tổng giám đốc chưa chủ động, sáng tạo trong việc điều hành sản xuất kinh doanh, tình trạng chặt phá, chiếm đoạt cây muồng đen, lấn chiếm bờ lô, rào vườn cây cà phê nhận khoán trái phép... Vẫn diễn ra thường xuyên song chưa được ngăn chặn kịp thời. Việc ký kết hợp đồng giao khoán (đối với những hợp đồng đã hết hạn) chậm thực hiện, kết quả thấp Hiện nay có 708 hợp đồng khoán gọn đã hết thời hạn nhưng chỉ mới có 95 hợp đồng được ký mới chiếm khoảng 13,41%. Ngoài ra đối với những người nhận khoán hợp đồng giao khoán còn thời hạn nhưng cần chuyển đổi hợp đồng sang tư cách pháp nhân mới chưa được thực hiện. Việc ký kết hợp đồng đối với

những người nhận khoán thực hiện việc trồng mới sau thanh lý vườn cây mới còn 25 người chưa thực hiện với diện tích trên 22 ha.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, tính thống nhất, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê, báo cáo tài chính.

- Kiến nghị HĐQT có biện pháp sửa đổi, bổ sung cải tiến cơ cấu tài chính, quản lý, giám sát và điều hành hoạt động SXKD của công ty.

- Đề nghị Hội đồng quản trị Công ty :

- + 1, Thu hồi Tờ trình số 22/TTr-CTTNHH ngày 12/2/2019 “V/v: xin chủ trương thanh toán khoản tiền khấu hao kênh mương hồ đập công ty đã thu của người nhận khoán từ năm 2011 đến năm 2017”. Bởi lẽ công ty TNHH MTV cà phê Thắng Lợi đã thu đúng theo Phương án khoán gọn đã được UBND tỉnh phê duyệt theo Quyết định 1399/QĐ-UBND ngày 8/6/2011.

- + 2, Thu hồi thông báo số 72/TB- CT “v/v thanh toán tiền khấu hao kênh mương hồ đập phần 51% đã thu trên tổng diện tích cà phê khoán gọn từ năm 2011 đến năm 2017”.

- + 3, Thu hồi thông báo số 714/TB-CTCP ngày 07/11/2020 “v/v nhận tiền khấu hao kênh mương lần 2”.

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT khi được mời tham dự.

* Hạn chế cần khắc phục: Trong năm 2021 Ban kiểm soát hoạt động giám sát chưa đều, đôi khi còn lúng túng bị động, chưa xây dựng cụ thể kế hoạch giám sát trong năm. Nguyên nhân ; Do 100% thành viên ban kiểm soát là kiêm nhiệm ; Do bận việc chuyên môn nên có phần sao nhãng nhiệm vụ được giao... Mặt khác hiện nay một số hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động, hợp đồng khoán gọn... với các đối tác cần phải nghiên cứu chặt chẽ hơn để đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đồng thời giảm thiểu thiệt hại đối với Công ty khi có tranh chấp hợp đồng xảy ra chưa được quan tâm đúng mức.

2. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành năm 2021:

Trong năm 2021, Ban Kiểm soát (“BKS”) đã triển khai hoạt động giám sát theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát không phát hiện gian lận trong hoạt động điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban điều hành cũng như trưởng các phòng ban của Công ty.

Các cuộc họp của HĐQT và Ban điều hành được tổ chức theo đúng quy định, các Nghị quyết được ban hành trên cơ sở đảm bảo lợi ích tối đa cho Công ty và các Cổ đông.

3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty:

Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc; Báo cáo tài chính được đơn vị kiểm toán xác nhận đã phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi tại thời điểm 31/12/2021, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Các chỉ tiêu cơ bản theo Báo cáo tài chính kiểm toán như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021
1	Tổng doanh thu	359.498.263.419
2	Lợi nhuận trước thuế	7.600.952.459
3	Tài sản ngắn hạn	111.693.916.944
4	Tài sản dài hạn	72.099.635.203
5	Nợ phải trả	49.798.456.327
6	Vốn chủ sở hữu	133.995.095.820

3. Thù lao, tiền thưởng của Ban Kiểm soát:

Ban kiểm soát đã nỗ lực trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao và đã được chi trả thù lao, tiền thưởng với tổng số tiền là 24.000.000 đ/năm.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông:

- BKS phối hợp chặt chẽ với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, giám sát việc triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông (“ĐHĐCĐ”) và các nghị quyết HĐQT.

- BKS đã nhận được đầy đủ các thông tin và nghị quyết của HĐQT, Báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán của Công ty.

- Kiểm soát viên tham dự các phiên họp của HĐQT, trên cơ sở đó kịp thời theo sát các hoạt động của Công ty và việc thực hiện nghị quyết của ĐHCĐ.

- BKS duy trì độc lập trong hoạt động kiểm tra giám sát của mình. Trong năm, BKS cũng chưa nhận được kiến nghị nào của cổ đông đối với chỉ đạo và điều hành của HĐQT, BKS, BGD và các cán bộ quản lý khác của Công ty.

5. Đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát, tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát

- Trong phạm vi trách nhiệm, chức năng và quyền hạn của BKS theo quy định tại Điều lệ Công ty, tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy chế nội bộ có liên quan, BKS trong năm 2021 đã nỗ lực hoàn thành các công việc theo đúng chức năng, nhiệm vụ.

- Trong năm 2021 BKS đã tổ chức họp 2 lần để phân công nhiệm vụ kiểm tra giám sát cho từng thành viên trong ban để đạt được hiệu quả cao trong quá trình kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty. Qua công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động của Công ty năm 2021, BKS có kết luận như sau:


5.1 Về cơ bản Công ty và các thành viên HĐQT, BKS, BTGD, KTT của Công ty đã tuân thủ các quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty., việc giám sát hoạt động của các phòng ban bộ phận chưa kịp thời...

5.2 Trong thời gian tới đề nghị Công ty cần lưu ý trong việc kiện toàn hệ thống tổ chức quản lý và hệ thống nhân sự , hợp đồng lao động đúng quy định của pháp luật , để phù hợp với quy mô hiện tại cũng như xu hướng phát triển của công ty.

5.3 Hiện nay nợ đọng của người nhận khoán vườn cà phê của Công ty từ năm 2018 đến nay quá nhiều (khoảng trên 80 tỷ). Do vậy ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Những người nợ chủ yếu là cá nhân đang hợp đồng giao khoán với Công ty. Chính vì vậy, Đề nghị hội đồng quản trị chỉ đạo các phòng ban chức năng tích cực, tìm mọi giải pháp để thu hồi công nợ. Đối với những trường hợp chây ì, không nộp sản lượng giao khoán, không thanh lý hợp đồng đã hết thời hạn giao khoán và ký kết hợp đồng giao khoán mới thì kiên quyết khởi kiện ra tòa, thu hồi vườn cây theo quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

**T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Phạm Đình Bộ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỢI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 03 năm 2022

TỜ TRÌNH

(Số: 04d/2022/TT – HĐQT)

V/v: Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2021

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần cà phê Thăng Lợi

Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cà phê Thăng Lợi kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2021 (*Báo cáo tài chính được đính kèm*).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HĐQT

Lỗ Hoàng Phúc



CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỘI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 03 năm 2022

TỜ TRÌNH

(Số: 04e/2022/TT – HĐQT)

V/v: Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận từ 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2021; Thù lao tiền thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lôi

Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần cà phê Thăng Lôi, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung về Phương án phân phối lợi nhuận từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2021; tổng mức thù lao, tiền thưởng HĐQT, BKS năm 2021 và Kế hoạch thù lao, tiền thưởng năm 2022 như sau:

I. Phương án phân phối lợi nhuận từ 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2021:

STT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện
1	Tổng doanh thu	Đồng	359.498.263.419
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Đồng	7.600.952.459
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Đồng	5.898.847.907
4	Cổ tức	Đồng	0
5	Lợi nhuận trích quỹ đầu tư phát triển	Đồng	5.898.847.907
6	Tỷ lệ chia cổ tức trên lợi nhuận	%	0

HĐQT đề xuất phương án phân phối lợi nhuận sau thuế từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 là 5,89 tỷ đồng sẽ không chia cổ tức mà thực hiện trích 100% lợi nhuận vào quỹ đầu tư phát triển Công ty vì những lý do sau:

- Đến thời điểm 31/12/2021, Công ty vẫn chưa được quyết toán chi phí cổ phần hóa và xác định giá trị vốn nhà nước để bàn giao sang Công ty cổ phần. Vì vậy, chưa thể xác định được chính xác tỷ lệ vốn góp để làm cơ sở chia cổ tức.

- Mặt khác, hiện nay Công ty đang hoạt động rất khó khăn do Người nhận khoán không nộp sản, tình hình an ninh trật tự phức tạp, hồ sơ pháp lý tài sản chưa hoàn thiện ảnh hưởng lớn đến nguồn thu và vốn trong hoạt động SXKD. Vì vậy, HĐQT đề xuất trích 100% lợi nhuận là 5,89 tỷ đồng vào quỹ đầu tư phát triển Công ty với mục đích:

đầu tư máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, mở rộng quy mô nhà xưởng, các dự án khác,... để đảm bảo hoạt động SXKD và phát triển Công ty.

II. Thù lao, tiền thưởng Hội đồng quản trị (HDQT) và Ban kiểm soát (BKS) năm 2021 và Kế hoạch năm 2022.

Thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2021 về việc thông qua kế hoạch chi thù lao đối với HDQT và BKS. HDQT kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Tổng thù lao thực tế năm 2021 đã chi trả và kế hoạch thù lao năm 2022 cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Đồng/năm

STT	Nội dung	Tổng thù lao (lương và thưởng) năm 2021	Kế hoạch thù lao (lương và thưởng) năm 2022
01	Chủ tịch HDQT chuyên trách	344.896.250	350.000.000
02	Các Thành viên HDQT không chuyên trách	50.000.000	144.000.000
03	Ban kiểm soát (3TV)	24.000.000	84.000.000

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HDQT

Lỗ Hoàng Phúc



CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỢI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 03 năm 2022

TỜ TRÌNH

(Số: 04g/2022/TT – HĐQT)

V/v: Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị Kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần cà phê Thăng Lợi

Thực hiện các nghĩa vụ được quy định tại Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 và các quy định của pháp luật khác, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty, tiêu chí lựa chọn như sau:

- Là công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết năm 2022;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán và có kinh nghiệm kiểm toán đối với các công ty đại chúng, công ty niêm yết và các tổ chức ngân hàng, tài chính lớn tại Việt Nam;
- Đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm;
- Đáp ứng được yêu cầu của Công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với chất lượng kiểm toán.

Trên cơ sở các tiêu chí lựa chọn trên, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua việc Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2022 phù hợp với tình hình thực tế trong năm và đáp ứng các tiêu chí trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT



Lỗ Hoàng Phúc



CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỢI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỢI
(Số: 05/2022/NQ – ĐHĐCD)

Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần cà phê Thăng Lợi;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số: 04/2022/BBH – ĐHĐCD ngày 25/04/2022 của Công ty Cổ phần cà phê Thăng Lợi,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2021 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2022

Đại hội biểu quyết thông qua Báo cáo về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2021 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2022 như sau:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021 so với KH năm 2021
A	SẢN PHẨM CHỦ YẾU	Tấn nhân	8.587	8.743	98%
1	Cà phê nhân thu mua ngoài	Tấn nhân	8.446	8.500	99%
2	Cà phê tự trồng	Tấn nhân	141	243	58%
B	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH				

I	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	351.976	313.797	112%
1	Doanh thu cà phê nhân thu mua ngoài	Triệu đồng	338.894	300.000	113%
2	Doanh thu cà phê cà phê kế hoạch	Triệu đồng	4.636	6.497	71%
3	Doanh thu cho thuê nhà xưởng	Triệu đồng	8.446	7.300	116%
II	Giá vốn hàng bán (chi phí sản xuất)	Triệu đồng	325.825	291.641	112%
1	Giá vốn cà phê nhân thu mua ngoài	Triệu đồng	323.291	284.500	114%
2	Giá vốn cà phê kế hoạch	Triệu đồng	498	4.641	11%
3	Giá vốn cho thuê nhà xưởng	Triệu đồng	2.036	2.500	81%
III	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	26.151	22.156	118%
IV	Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	5.192	3.500	148%
V	Chi phí tài chính	Triệu đồng	2.997	2.200	136%
VI	Chi phí bán hàng	Triệu đồng	9.175	11.500	80%
VII	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Triệu đồng	13.100	8.300	158%
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	6.071	3.656	166%
X	Thu nhập khác	Triệu đồng	2.330	1.150	203%
XI	Chi phí khác	Triệu đồng	800	1.000	80%
XII	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	1.530	150	1020%
XIII	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Triệu đồng	7.601	3.806	200%
XIV	Thuế TNDN	Triệu đồng	1.702	761	224%
XV	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Triệu đồng	5.899	3.045	194%

Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Kế hoạch 2022/Thực hiện 2021
A	SẢN PHẨM CHỦ YẾU	Tấn nhân	8.587	8.854	103%
1	Cà phê nhân thu mua ngoài	Tấn nhân	8.446	8.700	103%
2	Cà phê tự trồng	Tấn nhân	141	154	109%
B	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH				
I	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	351.976	398.596	113%
1	Doanh thu cà phê nhân thu mua ngoài	Triệu đồng	338.894	383.581	113%
2	Doanh thu cà phê cà phê kế hoạch	Triệu đồng	4.636	5.515	119%
3	Doanh thu cho thuê nhà xưởng	Triệu đồng	8.446	9.500	112%
II	Giá vốn hàng bán (chi phí sản xuất)	Triệu đồng	325.825	370.009	114%
1	Giá vốn cà phê nhân thu mua ngoài	Triệu đồng	323.291	365.301	113%
2	Giá vốn cà phê kế hoạch	Triệu đồng	498	2.108	423%
3	Giá vốn cho thuê nhà xưởng	Triệu đồng	2.036	2.600	128%
III	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	26.151	28.587	109%
IV	Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	5.192	3.600	69%
V	Chi phí tài chính	Triệu đồng	2.997	3.100	103%
VI	Chi phí bán hàng	Triệu đồng	9.175	13.000	142%

VII	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Triệu đồng	13.100	12.500	95%
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	6.071	3.587	59%
X	Thu nhập khác	Triệu đồng	2.330	2.300	99%
XI	Chi phí khác	Triệu đồng	800	800	100%
XII	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	1.530	1.500	98%
XIII	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Triệu đồng	7.601	5.087	67%
XIV	Thuế TNDN	Triệu đồng	1.702	1.017	60%
XV	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Triệu đồng	5.899	4.070	69%

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%

Điều 2: Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và định hướng hoạt động năm 2022

Đại hội biểu quyết thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và định hướng hoạt động năm 2022 (Văn bản đính kèm).

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%

Điều 3: Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 và định hướng hoạt động năm 2022

Đại hội biểu quyết thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 và định hướng hoạt động năm 2022 (Văn bản đính kèm).

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%

Điều 4: Thông qua Tờ trình số 04d/2022/TT – HĐQT về việc thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2021

Đại hội biểu quyết thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính từ ngày ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2021 như được nêu trong tờ trình (Văn bản đính kèm).

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%

Điều 5: Thông qua Tờ trình số 04e/2022/TT – HĐQT về việc thông qua Phương án phân phối lợi nhuận từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2021; Thù

lao tiền thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch năm 2022

Đại hội biểu quyết thông qua Phương án phân phối lợi nhuận từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2021; Thù lao tiền thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch năm 2022.

Phương án phân phối lợi nhuận từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2021

STT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện
1	Tổng doanh thu	Đồng	359.498.263.419
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Đồng	7.600.952.459
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Đồng	5.898.847.907
4	Cổ tức	Đồng	0
5	Lợi nhuận trích quỹ đầu tư phát triển	Đồng	5.898.847.907
6	Tỷ lệ chia cổ tức trên lợi nhuận	%	0

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 63,974%

Thù lao tiền thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch năm 2022

Đơn vị tính: Đồng/năm

STT	Nội dung	Tổng thù lao (lương và thưởng) năm 2021	Kế hoạch thù lao (lương và thưởng) năm 2022
01	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	344.896.250	350.000.000
02	Các Thành viên HĐQT không chuyên trách	50.000.000	144.000.000
03	Ban kiểm soát (3TV)	24.000.000	84.000.000

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%

Điều 6: Thông qua Tờ trình số 04g/2022/TT – HĐQT về việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị Kiểm toán báo cáo tài chính Công ty năm 2022

Đại hội biểu quyết thông qua việc ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT lựa chọn một trong các công ty Kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế trong năm và đáp ứng đầy đủ các tiêu chí để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính Công ty năm 2022

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%

Điều 7: Thông qua Tờ trình số 04F/2022/TT – HĐQT về việc sửa đổi chi tiết ngành nghề kinh doanh của Công ty.

Đại hội biểu quyết thông qua nội dung tờ trình về việc sửa đổi chi tiết ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

1. Sửa đổi ngành nghề đăng ký kinh doanh Công ty:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ghi chú
1	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc cho thuê	6810	Bỏ đi “Chi tiết: Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, nhà kho, nơi để xe”
2	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620	Bỏ đi “Chi tiết: Chế biến, kinh doanh, xuất khẩu cà phê nhân”
3	Xay xát và sản xuất bột khô	1061	Bỏ đi “Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu cà phê bột”
4	Sản xuất điện	3511	Bỏ đi “Chi tiết: Đầu tư nhà máy sản xuất điện năng lượng mặt trời công suất 50MWP; điện gió và điện từ năng lượng tái tạo”

- Đối với ngành nghề bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Mã ngành: 4620) bổ sung thêm nội dung ghi chú “Trừ kinh doanh mẫu vật các loài thực vật, động vật hoang dã thuộc danh mục cấm theo quy định của Luật Đầu tư năm 2020.

2. Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị và giao Chủ tịch Hội đồng Quản trị được chủ động hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký ngành nghề kinh doanh và ngành nghề đăng ký kinh doanh vào Khoản 1 Điều 4 của Điều lệ “Ngành nghề kinh doanh của Công ty” sau khi được phê duyệt theo đúng quy định của Pháp luật.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%

Điều 8. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày 25/04/2022

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm sao gửi Nghị quyết đến toàn thể cổ đông, cơ quan có thẩm quyền theo quy định và công bố trên website Công ty theo đúng quy định của Pháp luật.

Điều 9. Trách nhiệm phổ biến quán triệt và triển khai thực hiện Nghị Quyết này

Đại hội thống nhất giao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng

Giám đốc chịu trách nhiệm phổ biến quán triệt, triển khai thực hiện và kiểm tra giám sát quá trình thực hiện theo tinh thần Nghị quyết này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Nơi nhận:

- Như Điều 8, 9;
- UBCKNN; SGDCKHN “đề báo cáo”;
- Lưu: HĐQT; VT.



CHỦ TỊCH HĐQT

Lỗ Hoàng Phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỢI

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 31

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi tiền thân là Công ty TNHH MTV Cà phê Thăng Lợi được cổ phần hóa theo quyết định 1128/QĐ-UBND ngày 22 tháng 04 năm 2016 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Công ty chính thức được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần từ ngày 09 tháng 10 năm 2019.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 6000182456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 10 tháng 8 năm 2007, thay đổi lần 5 ngày 09 tháng 10 năm 2019, vốn điều lệ của Công ty là 126.500.000.000 đồng (Một trăm hai mươi sáu tỷ năm trăm triệu đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty tại thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Đỗ Hoàng Phúc	Chủ tịch HĐQT	
Ông Phạm Xuân Thụ	Thành viên	
Ông Đỗ Hoàng Phương	Thành viên	
Bà Hoàng Thị Thu Hà	Thành viên	
Bà Đặng Thị Huyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12/07/2021
Ông Đỗ Trọng Quân	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 12/07/2021

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Xuân Thụ	Tổng Giám đốc
Bà Hoàng Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Đình Hồng	Phó Tổng Giám đốc

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty tại thời điểm lập báo cáo này như sau:

Ông Đỗ Hoàng Phúc	Chủ tịch HĐQT
-------------------	---------------

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

6. Công bố trách nhiệm của Ban điều hành đối với Báo cáo tài chính

Ban điều hành chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban điều hành phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban điều hành đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Ban điều hành phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban điều hành



Đỗ Hoàng Phúc
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đắk Lắk, ngày 25 tháng 03 năm 2022



Số: 073/2022/BCKT-PB.00333

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Ban điều hành
Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2022, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2021, Công ty vẫn chưa được quyết toán chi phí cổ phần hóa và xác định giá trị phần vốn nhà nước để bàn giao sang Công ty cổ phần do các vấn đề xử lý các tồn tại tài chính còn vướng mắc. Công ty đã có công văn số 733/CV-TL ngày 01 tháng 12 năm 2020 gửi UBND Tỉnh Đắk Lắk, Sở Tài chính Đắk Lắk và Ban chỉ đạo Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cà phê Thăng Lợi, theo đó trình xem xét quyết toán chi phí cổ phần hóa 1.089.000.000 đồng, đồng thời kiến nghị xử lý giảm trừ một số khoản phải thu của các hộ nhận khoán, khoản âm quỹ khen thưởng phúc lợi, khoản tài sản thiếu chờ xử lý là giá trị còn lại của TSCĐ vườn cây cà phê bị các hộ tự ý chặt phá và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang năm 2018 không thu được sản lượng theo hợp đồng khoán vào giá trị phải nộp về Nhà Nước. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, giá trị của các khoản giảm trừ trên còn lại là 13.815.329.304 đồng.

Tùy thuộc vào quyết định của Cơ quan quản lý, các số liệu trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi khi có quyết định chính thức.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cà phê Thắng Lợi tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Không ảnh hưởng đến ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính về vấn đề được trình bày tại thuyết minh số 8.2. Theo đó, do năm tài chính 2020 của Công ty được bắt đầu từ ngày 09 năm 10 năm 2019 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, số liệu Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty Cổ phần Cà phê Thắng Lợi được lập trên cơ sở tổng hợp số liệu của giai đoạn cùng kỳ.

Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, Công ty Cổ phần Cà phê Thắng Lợi vẫn chưa được phê duyệt giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần. Do vậy số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty có thể thay đổi khi có quyết định phê duyệt chính thức.



LÊ VIẾT CƯỜNG

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2478-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

– CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2022

ĐẶNG NGỌC KHÁNH

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2505-2019-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		111.693.916.944	137.793.726.007
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	1.078.161.301	566.003.197
1. Tiền	111		1.078.161.301	566.003.197
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	53.360.000.000	46.246.022.575
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		53.360.000.000	46.246.022.575
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.221.570.194	13.858.990.920
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	6.728.595.000	60.599.554
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	1.675.908.242	1.366.624.092
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	15.156.160.824	13.630.024.670
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(4.350.230.499)	(1.209.394.023)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		11.136.627	11.136.627
IV/ Hàng tồn kho	140	5.6	36.547.808.883	76.056.787.474
1. Hàng tồn kho	141		36.547.808.883	79.614.742.179
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(3.557.954.705)
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		1.486.376.566	1.065.921.841
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	55.587.425	76.451.541
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.180.897.840	747.371.834
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.14	249.891.301	242.098.466
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		72.099.635.203	78.933.102.492
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II/ Tài sản cố định	220		41.192.555.149	40.167.537.648
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	41.159.383.859	40.123.494.358
- Nguyên giá	222		145.115.080.653	139.846.245.351
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(103.955.696.794)	(99.722.750.993)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	33.171.290	44.043.290
- Nguyên giá	228		54.360.000	54.360.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(21.188.710)	(10.316.710)
III/ Bất động sản đầu tư	230	5.10	16.202.399.316	17.635.427.088
- Nguyên giá	231		31.556.798.566	31.556.798.566
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(15.354.399.250)	(13.921.371.478)
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		1.980.111.413	1.527.000.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	1.980.111.413	1.527.000.000
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	-	6.300.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	6.300.000.000
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		12.724.569.325	13.303.137.756
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	12.724.569.325	13.303.137.756
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		183.793.552.147	216.726.828.499

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		49.798.456.327	88.630.580.586
I/ Nợ ngắn hạn	310		48.133.981.327	87.129.505.586
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	3.060.280.538	75.312.173
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		920.353	6.628.341
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	6.806.345.786	6.525.480.500
4. Phải trả người lao động	314		506.342.229	1.293.168.403
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	837.013.115	512.175.371
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	12.395.616.934	13.159.637.998
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	26.079.426.532	67.109.066.960
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		(1.551.964.160)	(1.551.964.160)
II/ Nợ dài hạn	330		1.664.475.000	1.501.075.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	1.664.475.000	1.501.075.000
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		133.995.095.820	128.096.247.913
I/ Vốn chủ sở hữu	410	5.17	133.995.095.820	128.096.247.913
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		126.500.000.000	126.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		126.500.000.000	126.500.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.596.247.913	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.898.847.907	1.596.247.913
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	(2.562.122.567)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.898.847.907	4.158.370.480
II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		183.793.552.147	216.726.828.499



Đỗ Hoàng Phúc
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Đắk Lắk, ngày 25 tháng 03 năm 2022


Nguyễn Thị Thúy Hằng
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Quỳnh Như
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỢI


Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.01	351.976.448.149	247.693.792.664
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		351.976.448.149	247.693.792.664
4. Giá vốn hàng bán	11	6.02	325.825.377.210	226.345.899.379
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.151.070.939	21.347.893.285
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.03	5.191.811.699	4.941.575.049
7. Chi phí tài chính	22	6.04	2.997.124.152	2.598.061.043
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.257.917.091	775.603.882
8. Chi phí bán hàng	25	6.05	9.174.742.156	12.698.969.629
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.06	13.100.229.554	9.440.550.086
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.070.786.776	1.551.887.576
11. Thu nhập khác	31	6.07	2.330.003.571	1.327.205.855
12. Chi phí khác	32	6.08	799.837.888	696.530.386
13. Lợi nhuận khác	40		1.530.165.683	630.675.469
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.600.952.459	2.182.563.045
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.09	1.702.104.552	586.315.132
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.898.847.907	1.596.247.913
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	466	126
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.10	466	126




Đỗ Hoàng Phúc
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Đắk Lắk, ngày 25 tháng 03 năm 2022


Nguyễn Thị Thúy Hằng
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Quỳnh Như
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỢI

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
I/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	347.173.857.450	252.525.184.718
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02	(286.052.064.250)	(260.825.716.298)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(6.080.106.663)	(6.530.400.828)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(1.323.868.951)	(687.937.643)
5. Thuế TNDN đã nộp	05	(1.702.254.387)	(891.524.573)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.001.129.566	51.859.260.376
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(12.714.587.984)	(100.006.332.063)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	42.302.104.781	(64.557.466.311)
II/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4.902.722.598)	(4.040.410.161)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	53.363.636
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(29.380.000.000)	(73.290.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của các đơn vị khác	24	28.566.022.575	71.380.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.737.959.124	4.397.613.859
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.978.740.899)	(1.499.432.666)
III/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	273.026.647.195	259.636.353.480
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(311.823.252.083)	(193.983.379.587)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(38.796.604.888)	65.652.973.893
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	526.758.994	(403.925.084)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	566.003.197	969.500.510
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(14.600.890)	427.771
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.078.161.301	566.003.197



Đỗ Hoàng Phúc
 Chủ tịch Hội đồng quản trị
 Đắk Lắk, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Nguyễn Thị Thúy Hằng
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Quỳnh Như
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi tiền thân là Công ty TNHH MTV Cà phê Thăng Lợi được cổ phần hóa theo quyết định 1128/QĐ-UBND ngày 22 tháng 04 năm 2016 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Công ty chính thức được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần từ ngày 09 tháng 10 năm 2019.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 6000182456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 10 tháng 8 năm 2007, thay đổi lần 5 ngày 09 tháng 10 năm 2019, vốn điều lệ của Công ty là 126.500.000.000 đồng (Một trăm hai mươi sáu tỷ năm trăm triệu đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là trồng, khai thác và chế biến kinh doanh cà phê.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 6000182456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 10 tháng 8 năm 2007, thay đổi lần 5 ngày 09 tháng 10 năm 2019 hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Trồng cây cà phê;
- Chế biến, kinh doanh, xuất khẩu cà phê nhân;
- Chế biến, kinh doanh, xuất khẩu cà phê bột;
- Mua bán máy móc, vật tư, thiết bị phục vụ công, nông nghiệp;
- Dịch vụ du lịch, cho thuê văn phòng, nhà xưởng, nhà kho;
- Mua bán vật liệu xây dựng, mua bán xăng dầu và các sản phẩm liên quan./.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư sửa đổi có liên quan.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo qui định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn là các chi phí phân bổ trong thời hạn không quá 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí thuê đất khu công nghiệp

Chi phí thuê đất KCN Nam Tân Uyên được phân bổ theo thời gian thuê đất là 518 tháng tương đương khoảng 43 năm.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác gồm các chi phí sửa chữa tài sản, chi phí bảo hiểm, chi phí khác được phân bổ không quá 03 năm.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 09
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Chi phí phải trả gồm các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo quy định tại điều lệ Công ty.

4.12 Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối là lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ đi các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu các năm trước.

Lợi nhuận chưa phân phối được phân phối theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông sau khi bù trừ các khoản lỗ lũy kế (nếu có).

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.14 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay dài hạn trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng cơ bản thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn vay bình quân cho hoạt động chăm sóc vườn cây cao su kiến thiết và vốn vay bình quân chăm sóc cho vườn cây cao su khai thác.

4.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

4.16 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	01/01/2021
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Tiền mặt	94.026.157	376.799.192
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	984.135.144	189.204.005
<i>Tiền gửi VND</i>	<i>964.652.790</i>	<i>158.387.173</i>
<i>Tiền gửi ngoại tệ</i>	<i>19.482.354</i>	<i>30.816.832</i>
Cộng	<u>1.078.161.301</u>	<u>566.003.197</u>

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - USD	<u>860,68</u>	<u>19.482.354</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

5.2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	53.360.000.000	53.360.000.000	46.246.022.575	46.246.022.575
Tiền gửi có kỳ hạn	53.360.000.000	53.360.000.000	46.246.022.575	46.246.022.575
Dài hạn	-	-	6.300.000.000	6.300.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	6.300.000.000	6.300.000.000
Cộng	53.360.000.000	53.360.000.000	52.546.022.575	52.546.022.575

Toàn bộ các khoản tiền gửi có kỳ hạn bị phong tỏa và đảm bảo cho các hợp đồng vay, chi tiết tại thuyết minh 5.16

5.3 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các khách hàng khác				
MARUBENI CORPOPATION	6.722.552.460	-	-	-
Các khách hàng khác	6.042.540	-	60.599.554	-
Cộng	6.728.595.000	-	60.599.554	-

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước các khách hàng khác				
Chi nhánh Công ty Luật TNHH HK & Gia Luật	-	-	140.000.000	-
Công ty TNHH MTV Cà phê 15	500.000.000	-	-	-
VIỆN NĂNG LƯỢNG	998.600.000	-	998.600.000	-
Các đối tượng khác	177.308.242	-	228.024.092	-
Cộng	1.675.908.242	-	1.366.624.092	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Păk – Tỉnh Đắk Lắk

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.5 Phải thu khác ngắn hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn tạm tính	528.873.000	-	514.454.000	-
Tiền tạm ứng cho CBNV	114.763.302	-	40.266.508	-
Phải thu khác	14.512.524.522	(4.350.230.499)	13.075.304.162	(1.209.394.023)
<i>Tiền thuê đất công nhân phải nộp trước cổ phần hóa</i>	<i>9.109.295.282</i>	<i>(3.955.678.499)</i>	<i>9.673.821.271</i>	<i>(1.209.394.023)</i>
<i>Tiền thuê đất công nhân phải nộp năm 2021</i>	<i>2.198.460.512</i>	-	-	-
<i>Tiền thuê đất công nhân phải nộp năm 2020</i>	<i>2.102.138.020</i>	-	<i>2.308.735.973</i>	-
<i>Tiền phân bón công nhân phải nộp</i>	<i>610.404.000</i>	<i>(305.202.000)</i>	<i>640.674.000</i>	-
<i>Vay tái canh</i>	<i>178.700.000</i>	<i>(89.350.000)</i>	<i>178.700.000</i>	-
<i>Phải thu BHXH công nhân</i>	<i>239.343.859</i>	-	<i>199.335.955</i>	-
<i>Các khoản khác</i>	<i>74.182.849</i>	-	<i>74.036.963</i>	-
Cộng	<u>15.156.160.824</u>	<u>(4.350.230.499)</u>	<u>13.630.024.670</u>	<u>(1.209.394.023)</u>

Khoản tiền thuê đất của các hộ liên kết, hộ nhận khoán phải nộp theo tỷ lệ và khoản tiền phân bón đã bán từ các năm trước hiện chưa có đối chiếu xác nhận do các hộ này không nhận các thư đối chiếu và không hợp tác hoàn trả các khoản nợ cho Công ty. Hiện tại, Công ty đang kiến nghị UBND tỉnh Đắk Lắk, Ban chỉ đạo cổ phần hóa cho phép giảm trừ khoản công nợ này vào giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chuyển sang Công ty cổ phần ngày 08/10/2019.

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công cụ, dụng cụ	707.290.594	-	961.760.408	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (1)	9.230.182.155	-	8.553.820.046	-
Thành phẩm	5.024.241	-	9.317.127	-
Hàng hoá	26.605.313.081	-	70.089.844.598	(3.557.954.705)
Cộng	<u>36.547.808.883</u>	<u>-</u>	<u>79.614.742.179</u>	<u>(3.557.954.705)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(1) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm khoản chi phí sản xuất năm 2018, 2019, 2020 và 2021 với giá trị là 9.230.182.155 đồng tương ứng với sản lượng năm 2018, 2019, 2020 và 2021 còn phải thu của các hộ nhận khoán. Trong đó, chi phí sản xuất năm 2018 là 2.532.529.235 đồng tương ứng với 1.136.210 kg, năm 2019 là 2.877.445.598 đồng tương ứng với 2.480.318 kg, chi phí sản xuất năm 2020 là 2.799.639.098 đồng tương ứng với 2.539.520 kg, chi phí sản xuất năm 2021 là 1.020.568.224 đồng tương ứng với 2.645.798 kg

Đối với khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang từ năm 2018, Ban Điều hành Công ty đánh giá việc thu hồi đủ là rất khó khăn và phát sinh rủi ro tiềm ẩn một khoản chi phí tồn đọng không có khả năng thu hồi.

5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Chi phí bảo hiểm	54.382.883	44.709.875
Các khoản khác	1.204.542	31.741.666
Cộng	55.587.425	76.451.541

5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	618.822.510	448.407.397
Chi phí sửa chữa tài sản	1.634.005.887	2.010.189.828
Chi phí thuê đất KCN Nam Tân Uyên	10.394.817.117	10.721.354.757
Các khoản khác	76.923.811	123.185.774
Cộng	12.724.569.325	13.303.137.756

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI
 Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Vườn cây lâu năm VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2021	52.683.215.343	23.905.493.703	3.252.329.565	130.387.273	59.874.819.467	139.846.245.351
Mua trong năm	500.000.000	4.000.983.636				4.500.983.636
Phân loại lại từ sửa chữa lớn theo Kiểm toán Nhà Nước	767.851.666					767.851.666
Số dư tại 31/12/2021	53.951.067.009	27.906.477.339	3.252.329.565	130.387.273	59.874.819.467	145.115.080.653
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư tại 01/01/2021	41.623.309.684	15.885.331.336	2.316.566.952	130.387.273	39.767.155.748	99.722.750.993
Khấu hao trong năm	948.445.211	935.227.423	145.809.900		2.038.923.623	4.068.406.157
Phân loại lại từ sửa chữa lớn theo Kiểm toán Nhà Nước	164.539.644					164.539.644
Số dư tại 31/12/2021	42.736.294.539	16.820.558.759	2.462.376.852	130.387.273	41.806.079.371	103.955.696.794
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư tại 01/01/2021	11.059.905.659	8.020.162.367	935.762.613	-	20.107.663.719	40.123.494.358
Số dư tại 31/12/2021	11.214.772.470	11.085.918.580	789.952.713	-	18.068.740.096	41.159.383.859

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 67.860.649.558 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2021	-	54.360.000	54.360.000
Mua trong năm			-
Số dư tại 31/12/2021	-	54.360.000	54.360.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số dư tại 01/01/2021	-	10.316.710	10.316.710
Khấu hao trong năm	-	10.872.000	10.872.000
Số dư tại 31/12/2021	-	21.188.710	21.188.710
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư tại 01/01/2021	-	44.043.290	44.043.290
Số dư tại 31/12/2021	-	33.171.290	33.171.290

5.10 Tăng giảm bất động sản đầu tư

	Nhà VND	Cơ sở hạ tầng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2021	29.938.241.930	1.618.556.636	31.556.798.566
Số dư tại 31/12/2021	29.938.241.930	1.618.556.636	31.556.798.566
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số dư tại 01/01/2021	13.411.681.228	509.690.250	13.921.371.478
Khấu hao trong năm	1.352.099.940	80.927.832	1.433.027.772
Số dư tại 31/12/2021	14.763.781.168	590.618.082	15.354.399.250
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư tại 01/01/2021	16.526.560.702	1.108.866.386	17.635.427.088
Số dư tại 31/12/2021	15.174.460.762	1.027.938.554	16.202.399.316

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI
 Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.11 Tăng giảm chi phí XDCB dở dang

	01/01/2021	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển tăng TSCĐ	31/12/2021
	VND	VND	VND	VND
Dự án điện gió	1.527.000.000	-	-	1.527.000.000
Vườn cây cà phê trồng mới	-	453.111.413	-	453.111.413
Tổng cộng	1.527.000.000	453.111.413	-	1.980.111.413

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Hà Nội		-	33.359.860	33.359.860
Công ty TNHH Thương mại Thái Phúc	2.986.054.500	2.986.054.500	-	-
Các đối tượng khác	74.226.038	74.226.038	41.952.313	41.952.313
Cộng	3.060.280.538	3.060.280.538	75.312.173	75.312.173

5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	20.395.740	88.795.030
Chi phí chứng nhận café	-	288.412.800
Chi phí hoa hồng môi giới	35.892.720	64.366.163
Tiền lương, thưởng	748.600.000	-
Chi phí khác	32.124.655	70.601.378
Cộng	837.013.115	512.175.371

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI
 Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.14 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	241.281.634	-	1.702.104.552	1.702.254.387	241.431.469	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	7.151.796	172.957.721	187.752.517	7.643.000	-
Thuế tài nguyên	-	-	2.866.680	2.866.680	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	4.966.065.490	5.492.454.519	5.203.054.281	-	5.255.465.728
Các loại thuế khác	-	1.552.263.214	5.293.263	6.676.419	-	1.550.880.058
Phí, lệ phí và các khoản khác	816.832	-	6.000.000	6.000.000	816.832	-
Cộng	242.098.466	6.525.480.500	7.381.676.735	7.108.604.284	249.891.301	6.806.345.786

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.15 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

5.15.1 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Kinh phí công đoàn	219.579.635	219.579.635	228.788.111	228.788.111
Bảo hiểm xã hội	135.874.553	135.874.553	83.138.158	83.138.158
Bảo hiểm y tế	107.322.287	107.322.287	95.118.784	95.118.784
Phải trả về cổ phần hóa	4.015.607.667	4.015.607.667	4.015.607.667	4.015.607.667
Vốn hợp tác đầu tư vườn cây của hộ nông dân	7.171.074.978	7.171.074.978	8.014.085.474	8.014.085.474
Phải trả khác	746.157.814	746.157.814	722.899.804	722.899.804
Cộng	12.395.616.934	12.395.616.934	13.159.637.998	13.159.637.998

5.15.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.664.475.000	1.664.475.000	1.501.075.000	1.501.075.000
Cộng	1.664.475.000	1.664.475.000	1.501.075.000	1.501.075.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI
 Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.16 Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	31/12/2021		Trong năm		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
1>Vay ngắn hạn	26.079.426.532	26.079.426.532	272.146.647.195	313.176.287.623	67.109.066.960	67.109.066.960
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam CN Đắk Lắk	17.682.849.344	17.682.849.344	245.939.991.026	276.066.011.778	47.808.870.096	47.808.870.096
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đắk Lắk	6.501.100.268	6.501.100.268	19.848.242.969	28.004.834.581	14.657.691.880	14.657.691.880
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Đắk Lắk	1.895.476.920	1.895.476.920	6.358.413.200	9.105.441.264	4.642.504.984	4.642.504.984
Cộng	26.079.426.532	26.079.426.532	272.146.647.195	313.176.287.623	67.109.066.960	67.109.066.960

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI
 Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thông tin thuyết minh bổ sung cho các khoản vay:

Hợp đồng vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Hạn mức vay	Số dư nợ gốc tại 31/12/2021	Mục đích vay	Tài sản bảo đảm
Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam CN Đắk Lắk 276952/HĐHM ngày 14/12/2021	06 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	70.000.000.000 đồng	17.682.849.344	Vay bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất và kinh doanh cà phê xuất khẩu (Vay trả tiền thu mua cà phê)	Khoản vay được bảo đảm bằng các hợp đồng tiền gửi tại ngân hàng TMCP Tiên Phong và Ngân hàng TMCP Ngoại thương với tổng giá trị lần lượt là 10.300.000.000 đồng và 20.160.000.000 đồng; Hợp đồng bảo hiểm hàng hóa giá trị 23.200.000.000 đồng và Hợp đồng bảo hiểm tài sản giá trị là 26.500.000.000 đồng
Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Đắk Lắk 1115/2021/HĐTD/DLL/01 ngày 15/12/2021	12 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	1.000.000 USD hoặc VND tương đương	1.895.476.920	Vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xuất khẩu và phê và bán cà phê trong nước của khách hàng	Khoản vay được bảo đảm bằng hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội tổng giá trị là 7.700.000.000 đồng
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đắk Lắk (USD) 01/2021/718025/HĐTDHM ngày 29/11/2021	12 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	45.000.000.000 đồng	6.501.100.268	Vay bổ sung vốn lưu động kinh doanh cà phê xuất khẩu (Thanh toán tiền mua cà phê)	Khoản vay được bảo đảm bằng các hợp đồng tiền gửi tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội tổng giá trị lần lượt là 3.000.000.000 đồng và 12.200.000.000 đồng
				26.079.426.532		

Cộng

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁ PHÉ THẮNG LỢI
 Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.17 Vốn chủ sở hữu (“VCSH”)

5.17.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng cộng	
Số dư tại 09/10/2019	126.500.000.000	-	-	(2.562.122.567)	123.937.877.433	
Lãi trong năm trước				4.158.370.480	4.158.370.480	
Số dư tại 31/12/2020	126.500.000.000	-	-	1.596.247.913	128.096.247.913	
Số dư tại 01/01/2021	126.500.000.000	-	-	1.596.247.913	128.096.247.913	
Lãi trong năm nay				5.898.847.907	5.898.847.907	
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước			1.596.247.913	(1.596.247.913)	-	
Số dư tại 31/12/2021	126.500.000.000	-	1.596.247.913	5.898.847.907	133.995.095.820	

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.17.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
UBND tỉnh Đắk Lắk	45.540.000.000	36,00%	45.540.000.000	36,00%
Phạm Thị Linh	77.619.000.000	61,36%	77.619.000.000	61,36%
Các cá nhân khác	3.341.000.000	2,64%	3.341.000.000	2,64%
Cộng	126.500.000.000	100%	126.500.000.000	100%

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	337.893.934.335	234.295.524.432
Doanh thu bán thành phẩm	5.336.469.300	4.567.504.447
Doanh thu cho thuê kho	8.746.044.514	8.830.763.785
Cộng	351.976.448.149	247.693.792.664

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	326.604.814.934	219.647.091.730
Giá vốn của thành phẩm đã bán	742.057.935	922.483.221
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.036.459.046	2.218.369.723
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.557.954.705)	3.557.954.705
Cộng	325.825.377.210	226.345.899.379

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Păk – Tỉnh Đắk Lắk

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.752.378.124	4.114.631.859
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.439.433.575	826.943.190
	5.191.811.699	4.941.575.049

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	1.257.917.091	775.603.882
Chiết khấu thanh toán cho công nhân nộp sản lượng	862.672.891	939.336.847
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	760.704.839	151.264.239
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	115.829.331	731.856.075
Cộng	2.997.124.152	2.598.061.043

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	1.668.443.306	2.967.452.496
Chi phí vật liệu, bao bì	63.721.997	1.454.068.753
Chi phí khấu hao TSCĐ	167.730.394	1.634.880.052
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.340.220.990	4.135.753.196
Chi phí bằng tiền khác	1.934.625.469	2.498.787.132
Cộng	9.174.742.156	12.698.969.629

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.327.427.380	4.631.137.746
Chi phí vật liệu quản lý	898.220.926	335.555.874
Chi phí khấu hao TSCĐ	483.338.238	386.689.242
Thuế, phí và lệ phí	2.585.695.803	855.009.941
Chi phí dự phòng	3.140.836.476	1.209.394.023
Chi phí dịch vụ mua ngoài	698.908.989	472.612.317
Chi phí bằng tiền khác	965.801.742	1.550.150.943
Cộng	13.100.229.554	9.440.550.086

6.7 Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý cây muồng đen	1.906.796.510	-
Các khoản khác	423.207.061	1.327.205.855
Cộng	2.330.003.571	1.327.205.855

6.8 Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	108.202.960
Khấu hao TSCĐ không sử dụng sản xuất kinh doanh	277.660.728	-
Các khoản khác	522.177.160	588.327.426
Cộng	799.837.888	696.530.386

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

6.9 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.600.952.459	2.182.563.045
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	798.625.302	749.012.614
Các khoản điều chỉnh tăng	798.625.302	749.012.614
Các khoản chi phí không được trừ	744.635.980	749.012.614
Lỗi chênh lệch tỷ giá cuối kỳ các khoản tiền gửi, phải thu	53.989.322	-
Thu nhập tính thuế TNDN	8.399.577.761	2.931.575.659
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN	1.679.915.552	586.315.132
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	22.189.000	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.702.104.552	586.315.132

6.10 Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	5.898.847.907	1.596.247.913
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	5.898.847.907	1.596.247.913
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	12.650.000	12.650.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	466	126

6.11 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	7.214.199.724	8.487.408.943
Chi phí nguyên liệu, công cụ dụng cụ	5.238.318.969	160.419.833.942
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.556.174.349	5.111.736.932
Thuế, phí, lệ phí	2.585.695.803	726.520.685
Chi phí dự phòng	(417.118.229)	3.717.377.509
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.055.082.735	4.719.473.868
Chi phí khác bằng tiền	3.124.680.169	5.976.868.344
Cộng	29.357.033.520	189.159.220.223

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1 Tiền thu từ đi vay

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	273.026.647.195	259.636.353.480

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	311.823.252.083	193.983.379.587

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh ở Mục 5.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỢI

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thành viên Quản lý chủ chốt	Chức danh	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
Ông Đỗ Hoàng Phúc	Chủ tịch HĐQT	344.896.250	327.651.482
Ông Phạm Xuân Thọ	Tổng Giám đốc Thành viên HĐQT	270.587.500	330.386.316
Ông Đỗ Hoàng Phương	Thành viên HĐQT	50.000.000	51.700.000
Bà Hoàng Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc Thành viên HĐQT	331.260.000	288.113.334
Bà Đặng Thị Huyền	Thành viên HĐQT	142.719.940	128.746.199
Ông Đỗ Trọng Quán	Thành viên HĐQT	65.321.732	153.550.525
Ông Đoàn Đình Hồng	Phó Tổng Giám đốc	238.210.000	199.463.308

8.2 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính từ ngày 09 tháng 10 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh phía Bắc.

Do đến thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty vẫn chưa được quyết toán chi phí cổ phần hóa và xác định giá trị phần vốn nhà nước để bàn giao sang Công ty cổ phần. Vì vậy, số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty có thể thay đổi sau khi được Cơ quan quản lý phê duyệt chính thức.

8.3 Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

8.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



Đỗ Hoàng Phúc
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Đắk Lắk, ngày 25 tháng 03 năm 2022


Nguyễn Thị Thúy Hằng
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Quỳnh Như
Người lập biểu



CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỢI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỢI
(Số: 04/2022/BBH – ĐHĐCĐ)

I. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 của Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi; được khai mạc vào lúc: 08 giờ 00 ngày 25/04/2022 tại Hội trường Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi - Km 17, QL 26, xã Hòa Đông, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.

II. THỦ TỤC KHAI MẠC ĐẠI HỘI

1. Bà Lê Đặng Uyên Đan thay mặt giới thiệu thành phần tham dự Đại hội.
2. Ông Phạm Đình Bộ, Trưởng Ban kiểm soát đọc báo cáo kết quả kiểm tra các cổ đông có đủ điều kiện tham dự Đại hội theo đó:

- Tổng số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự: 63 cổ đông
- Tỷ lệ cổ phần đại diện và sở hữu của cổ đông tham dự: 12.628.400 cổ phần chiếm tỷ lệ 99,8% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Phiên họp Đại hội đồng cổ đông đã được tiến hành hợp pháp và hợp lệ theo quy định của Luật doanh nghiệp; Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.

Bà Lê Đặng Uyên Đan thay mặt Ban Tổ chức giới thiệu thành phần Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban Kiểm phiếu tại Đại hội:

Đoàn chủ tịch:

- | | |
|---------------------|------------------------------|
| - Ông Đỗ Hoàng Phúc | - Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| - Ông Phạm Xuân Thụ | - Thành viên HĐQT |
| - Bà Đặng Thị Huyền | - Thành viên HĐQT |

Ban thư ký:

- | | |
|---------------------------|--------------|
| - Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng | - Trưởng ban |
| - Bà Nguyễn Thị Ngân | - Thành viên |

Ban kiểm phiếu:

- | | |
|----------------------------|--------------|
| - Ông Nguyễn Tiến Nghĩa | - Trưởng ban |
| - Bà Lưu Thị Thu Hiền | - Thành viên |
| - Bà Trương Thị Phương Nga | - Thành viên |

Đại hội biểu quyết thông qua danh sách Đoàn chủ tịch, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu như trên để điều khiển Đại hội với tỷ lệ: 100% cổ đông tham dự Đại hội tán thành.

3. Ông Nguyễn Tiên Nghĩa thay mặt Ban kiểm phiếu đọc quy định về thể lệ làm việc, biểu quyết tại Đại hội.

Đại hội biểu quyết thông qua Quy định về thể thức làm việc và biểu quyết tại Đại hội với tỷ lệ: 100% cổ đông tham dự Đại hội tán thành.

4. Đoàn chủ tịch giới thiệu và thông qua nội dung Chương trình Đại hội:

Đại hội biểu quyết thông qua nội dung Chương trình Đại hội như trên với tỷ lệ: 100% cổ đông tham dự Đại hội tán thành.

III. DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI

1. Ông Phạm Xuân Thu - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc thay mặt BTGD báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021; kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.

2. Ông Đỗ Hoàng Phúc - Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021; định hướng hoạt động năm 2022.

3. Ông Phạm Đình Bộ - Trưởng BKS thay mặt BKS báo cáo tình hình hoạt động của BKS năm 2021 và kế hoạch công tác năm 2022.

4. Bà Đặng Thị Huyền trình bày các Tờ trình liên quan:

- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2021.

- Tờ trình thông qua Phương án phân phối lợi nhuận từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2021; Thù lao tiền thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch năm 2022.

- Tờ trình ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022.

- Tờ trình về việc sửa đổi chi tiết ngành nghề kinh doanh của Công ty.

5. Thảo luận và tóm tắt các ý kiến phát biểu tại Đại hội:

Tóm tắt một số vấn đề được các cổ đông đưa ra thảo luận tại Đại hội như sau:

- Việc phân chia cổ tức cho cổ đông năm 2021

- Kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2022

- Thời gian hiệu lực của hợp đồng giao khoán.

Các ý kiến đưa ra thảo luận đã được giải thích trực tiếp tại Đại hội.

6. Các Nghị quyết của Đại hội:

Sau khi thảo luận, các cổ đông tham dự đã nhất trí quyết nghị từng nội dung

sau:

Nội dung 1: Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2021 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2022:

Đại hội biểu quyết thông qua Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2021 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2022 như sau (có báo cáo kèm theo):

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021 so với KH năm 2021
A	SẢN PHẨM CHỦ YẾU	Tấn nhân	8.587	8.743	98%
1	Cà phê nhân thu mua ngoài	Tấn nhân	8.446	8.500	99%
2	Cà phê tự trồng	Tấn nhân	141	243	58%
B	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH				
I	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	351.976	313.797	112%
1	Doanh thu cà phê nhân thu mua ngoài	Triệu đồng	338.894	300.000	113%
2	Doanh thu cà phê cà phê kế hoạch	Triệu đồng	4.636	6.497	71%
3	Doanh thu cho thuê nhà xưởng	Triệu đồng	8.446	7.300	116%
II	Giá vốn hàng bán (chi phí sản xuất)	Triệu đồng	325.825	291.641	112%
1	Giá vốn cà phê nhân thu mua ngoài	Triệu đồng	323.291	284.500	114%
2	Giá vốn cà phê kế hoạch	Triệu đồng	498	4.641	11%
3	Giá vốn cho thuê nhà xưởng	Triệu đồng	2.036	2.500	81%
III	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	26.151	22.156	118%
IV	Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	5.192	3.500	148%
V	Chi phí tài chính	Triệu đồng	2.997	2.200	136%

VI	Chi phí bán hàng	Triệu đồng	9.175	11.500	80%
VII	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Triệu đồng	13.100	8.300	158%
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	6.071	3.656	166%
X	Thu nhập khác	Triệu đồng	2.330	1.150	203%
XI	Chi phí khác	Triệu đồng	800	1.000	80%
XII	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	1.530	150	1020%
XIII	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Triệu đồng	7.601	3.806	200%
XIV	Thuế TNDN	Triệu đồng	1.702	761	224%
XV	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Triệu đồng	5.899	3.045	194%

Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Kế hoạch 2022/Thực hiện 2021
A	SẢN PHẨM CHỦ YẾU	Tấn nhân	8.587	8.854	103%
1	Cà phê nhân thu mua ngoài	Tấn nhân	8.446	8.700	103%
2	Cà phê tự trồng	Tấn nhân	141	154	109%
B	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH				
I	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	351.976	398.596	113%
1	Doanh thu cà phê nhân thu mua ngoài	Triệu đồng	338.894	383.581	113%
2	Doanh thu cà phê cà phê kế hoạch	Triệu đồng	4.636	5.515	119%
3	Doanh thu cho thuê nhà xưởng	Triệu đồng	8.446	9.500	112%
II	Giá vốn hàng bán (chi phí sản	Triệu đồng	325.825	370.009	114%

	xuất)				
1	Giá vốn cà phê nhân thu mua ngoài	Triệu đồng	323.291	365.301	113%
2	Giá vốn cà phê kế hoạch	Triệu đồng	498	2.108	423%
3	Giá vốn cho thuê nhà xưởng	Triệu đồng	2.036	2.600	128%
III	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	26.151	28.587	109%
IV	Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	5.192	3.600	69%
V	Chi phí tài chính	Triệu đồng	2.997	3.100	103%
VI	Chi phí bán hàng	Triệu đồng	9.175	13.000	142%
VII	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Triệu đồng	13.100	12.500	95%
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	6.071	3.587	59%
X	Thu nhập khác	Triệu đồng	2.330	2.300	99%
XI	Chi phí khác	Triệu đồng	800	800	100%
XII	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	1.530	1.500	98%
XIII	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Triệu đồng	7.601	5.087	67%
XIV	Thuế TNDN	Triệu đồng	1.702	1.017	60%
XV	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Triệu đồng	5.899	4.070	69%

Kết quả biểu quyết: 100% thẻ tán thành
0 % thẻ không tán thành
0 % thẻ không ý kiến

Nội dung 2: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và định hướng hoạt động năm 2022

Đại hội biểu quyết thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và định hướng hoạt động năm 2022 (Văn bản đính kèm).

Kết quả biểu quyết: 100% thẻ tán thành
0% thẻ không tán thành
0% thẻ không ý kiến

Nội dung 3: Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 và định hướng hoạt động năm 2022

Đại hội biểu quyết thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 và định hướng hoạt động năm 2022 (Văn bản đính kèm).

Kết quả biểu quyết: 100% thẻ tán thành
0% thẻ không tán thành
0% thẻ không ý kiến

Nội dung 4: Tờ trình số 04d/2022/TT – HĐQT về việc thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2021

Đại hội biểu quyết thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2021 như được nêu trong tờ trình (Văn bản đính kèm).

Kết quả biểu quyết: 100% thẻ tán thành
0% thẻ không tán thành
0% thẻ không ý kiến

Nội dung 5: Tờ trình số 04e/2022/TT – HĐQT về việc thông qua Phương án phân phối lợi nhuận từ ngày từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2021; Thù lao tiền thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch năm 2022

Đại hội biểu quyết thông qua phương án phân phối lợi nhuận từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2021; Thù lao tiền thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch năm 2022.

Phương án phân phối lợi nhuận từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2021

STT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện
1	Tổng doanh thu	Đồng	359.498.263.419
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Đồng	7.600.952.459
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Đồng	5.898.847.907
4	Cổ tức	Đồng	0
5	Lợi nhuận trích quỹ đầu tư phát triển	Đồng	5.898.847.907
6	Tỷ lệ chia cổ tức trên lợi nhuận	%	0

Kết quả biểu quyết: 63,974% thẻ tán thành
36,026% thẻ không tán thành
0% thẻ không ý kiến

Thù lao tiền thưởng Hội đồng quản trị (HDQT) và Ban kiểm soát (BKS) năm 2021 và Kế hoạch năm 2022

Đơn vị tính: Đồng/năm

STT	Nội dung	Tổng thù lao (lương và thưởng) năm 2021	Kế hoạch thù lao (lương và thưởng) năm 2022
01	Chủ tịch HDQT chuyên trách	344.896.250	350.000.000
02	Các Thành viên HDQT không chuyên trách	50.000.000	144.000.000
03	Ban kiểm soát (3TV)	24.000.000	84.000.000

Kết quả biểu quyết: 100% thẻ tán thành
 0% thẻ không tán thành
 0% thẻ không ý kiến

Nội dung 6: Tờ trình số 04g/2022/TT – HDQT về việc ủy quyền cho HDQT lựa chọn đơn vị Kiểm toán báo cáo tài chính Công ty năm 2022

Đại hội biểu quyết thông qua nội dung tờ trình về việc ủy quyền cho Chủ tịch HDQT lựa chọn một trong các công ty Kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế trong năm và đáp ứng đầy đủ các tiêu chí để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính Công ty năm 2022

Kết quả biểu quyết: 100% thẻ tán thành
 0% thẻ không tán thành
 0% thẻ không ý kiến

Nội dung 7: Tờ trình số 04F/2022/TT – HDQT V/v sửa đổi chi tiết ngành nghề kinh doanh của Công ty

Đại hội biểu quyết thông qua nội dung tờ trình về việc sửa đổi chi tiết ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

1. Sửa đổi ngành nghề đăng ký kinh doanh Công ty:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ghi chú
1	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc cho thuê	6810	Bỏ đi “Chi tiết: Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, nhà kho, nơi để xe”
2	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu	4620	Bỏ đi “Chi tiết: Chế biến, kinh

	(trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống		doanh, xuất khẩu cà phê nhân”
3	Xay xát và sản xuất bột khô	1061	Bỏ đi “Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu cà phê bột”
4	Sản xuất điện	3511	Bỏ đi “Chi tiết: Đầu tư nhà máy sản xuất điện năng lượng mặt trời công suất 50MWP; điện gió và điện từ năng lượng tái tạo”

- Đối với ngành nghề bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Mã ngành: 4620) bổ sung thêm nội dung ghi chú “Trừ kinh doanh mẫu vật các loài thực vật, động vật hoang dã thuộc danh mục cấm theo quy định của Luật Đầu tư năm 2020.

2. Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị và giao Chủ tịch Hội đồng Quản trị được chủ động hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký ngành nghề kinh doanh và ngành nghề đăng ký kinh doanh vào Khoản 1 Điều 4 của Điều lệ “Ngành nghề kinh doanh của Công ty” sau khi được phê duyệt theo đúng quy định của Pháp luật.

Kết quả biểu quyết: 100% thẻ tán thành
0% thẻ không tán thành
0% thẻ không ý kiến

Đại hội kết thúc vào lúc 11 giờ 30 cùng ngày.

Biên bản đã được đọc trước Đại hội và được Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ 100% số phiếu có quyền biểu quyết tán thành.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

ĐOÀN CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH HĐQT

THÀNH VIÊN HĐQT

THÀNH VIÊN HĐQT



Đỗ Hoàng Phúc

[Signature]

Phạm Xuân Thu

BAN THƯ KÝ

[Signature]
Dương Thị Huyền

[Signature]

Nguyễn Thị Thúy Hằng

[Signature]

Nguyễn Thị Ngân



CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỢI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Đắk Lắk, ngày 09 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v sửa đổi chi tiết ngành nghề kinh doanh của Công ty

(Số: 04F/2022/TT – HĐQT)

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần cà phê Thăng Lợi

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ văn bản kiến nghị của cổ đông Phạm Thị Linh ngày 08/04/2022;

Hội đồng quản trị xin kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc sửa đổi chi tiết ngành nghề kinh doanh của công ty. Mã ngành nghề đăng ký kinh doanh chi tiết được căn cứ theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTG ngày 06/7/2018 ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

1. Sửa đổi ngành nghề đăng ký kinh doanh cụ thể như sau:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ghi chú
1	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc cho thuê	6810	Bỏ đi “Chi tiết: Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, nhà kho, nơi để xe”
2	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620	Bỏ đi “Chi tiết: Chế biến, kinh doanh, xuất khẩu cà phê nhân”
3	Xay xát và sản xuất bột khô	1061	Bỏ đi “Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu cà phê bột”
4	Sản xuất điện	3511	Bỏ đi “Chi tiết: Đầu tư nhà máy sản xuất điện năng lượng mặt trời công suất 50MWP; điện gió và điện từ năng lượng tái tạo”

2. Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị và giao Chủ tịch Hội đồng Quản trị được chủ động hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký ngành nghề kinh doanh và ngành nghề đăng ký kinh doanh vào Khoản 1 Điều 4 của Điều lệ “Ngành nghề kinh doanh của Công ty” sau khi được phê duyệt theo đúng quy định của Pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HĐQT

Lỗ Hoàng Phúc